

VinFast Auto Ltd. (Nasdaq: VFS)

Ngành	Ô tô
Ngày báo cáo	17/03/2026
Giá hiện tại*	3.02 USD
Giá trị vốn hóa	7.07 tỷ USD
SL CP lưu hành	2.3 tỷ
CP chuyển nhượng tự do	49.4 tr
* Giá đóng cửa phiên 16/03	

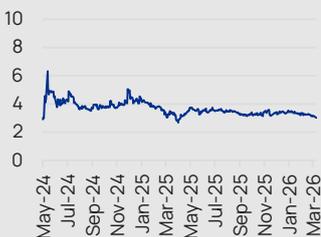
Tổng quan Công ty

VinFast, công ty con do Tập đoàn VinGroup (VIC) sở hữu 51%, tập trung sản xuất xe ô tô điện và xe máy điện. VinFast hiện có 2 nhà máy sản xuất ở Việt Nam bao gồm ở Hải Phòng (công suất sản xuất tối đa 300.000 xe/năm), và ở Hà Tĩnh (200.000 xe/năm trong Giai đoạn 1) và 2 nhà máy lắp ráp ở nước ngoài - tại Ấn Độ và Indonesia (50.000 xe/năm trong Giai đoạn 1 ở mỗi nhà máy). Xe điện VinFast có thể kết nối với 1 triệu cổng sạc toàn cầu (trong đó VinFast sở hữu 120.000 cổng sạc tại Việt Nam tính đến cuối năm 2025).

Ngày 15/08/2023, cổ phiếu phổ thông và chứng quyền của VinFast được niêm yết trên sàn Nasdaq với mã chứng khoán mới lần lượt là VFS và VFSWW.

Diễn biến giá cổ phiếu

(USD/cổ phiếu)



Thân Như Đoàn Thực, CFA
Chuyên viên cao cấp

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp

Các ghi nhận chính từ cuộc họp công bố KQKD quý 4/2025

Chúng tôi đã tham dự cuộc họp công bố KQKD quý 4/2025 của VinFast (Nasdaq: VFS) tổ chức vào ngày 16/03. Các nội dung chính của cuộc họp bao gồm (1) tổng kết KQKD năm 2025 (nhìn chung phù hợp với số liệu mảng công nghiệp mà VIC đã công bố; xem [Báo cáo KQKD của VIC](#) vào ngày 31/01 của chúng tôi), và (2) triển vọng cho năm 2026.

Ban lãnh đạo cho rằng căng thẳng toàn cầu và giá xăng dầu tăng cao gần đây sẽ hỗ trợ mảng xe điện, củng cố xu hướng người tiêu dùng chuyển sang xe điện trong dài hạn, đồng thời chưa ghi nhận tác động đáng kể nào đến hoạt động SXKD ở thời điểm hiện tại. Trong kế hoạch cho năm 2026, các ưu tiên trọng tâm của VinFast bao gồm mở rộng công suất sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng bàn giao xe, cải thiện hiệu quả chi phí và tăng cường mức hiện diện trên thị trường quốc tế. Khoản hỗ trợ tài chính còn lại tại cuối năm 2025 theo thỏa thuận tháng 11/2024 – bao gồm tối đa 22 nghìn tỷ đồng tài trợ từ Chủ tịch và tối đa 24,6 nghìn tỷ đồng khoản vay từ VIC – được kỳ vọng sẽ tiếp tục là một trong những nguồn vốn hỗ trợ chính cho VFS trong năm 2026.

Chúng tôi kỳ vọng Việt Nam sẽ tiếp tục là thị trường cốt lõi của VinFast, được thúc đẩy bởi tỷ lệ chuyển đổi xe điện ngày càng tăng và các chính sách hỗ trợ tiềm năng. Chúng tôi tin rằng Chủ tịch VIC sẽ tiếp tục cam kết mạnh mẽ trong việc hỗ trợ nhu cầu vốn cho VinFast trong năm 2026. Chúng tôi ghi nhận tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo hiện tại của chúng tôi về doanh số bàn giao xe điện trong năm 2026 của VinFast và dự báo vốn đầu tư XDCB cho mảng công nghiệp của VIC sẽ tăng (so với giả định để cập trong [Báo cáo Cập nhật VIC](#) ngày 05/12/2025 của chúng tôi), dù cần thêm đánh giá chi tiết.

Kết quả bàn giao trong năm 2025 và kế hoạch cho năm 2026

- Trong quý 4/2025**, VFS đã bàn giao tổng cộng 86.557 ô tô điện trên toàn cầu (+127% QoQ và +63% YoY), trong đó 33% được bán cho các bên liên quan (cao hơn so với mức 23% trong 9T 2025, chủ yếu do GSM mở rộng ra thị trường quốc tế). Các mẫu xe thương mại (dòng Green và EC Van) chiếm khoảng ~49% tổng số xe ô tô điện bàn giao. Đối với mảng xe máy điện, sản lượng bàn giao tăng 43% QoQ, đạt 171.962 xe (dưới 1% được bán cho các bên liên quan so với 4% trong 9T 2025).
- Trong cả năm 2025**, tổng số ô tô điện bàn giao trên toàn cầu của VFS tăng 102% YoY, đạt 196.919 xe (~27% được bán cho các bên liên quan của VinFast), trong đó Việt Nam chiếm 89% tổng sản lượng. Dựa trên dữ liệu từ Hiệp hội Các nhà sản xuất Ô tô Việt Nam, TC Group và dữ liệu nội bộ của VinFast, VinFast ước tính thị phần của VinFast tại Việt Nam đã đạt 36% trong năm 2025, so với khoảng ~22% trong năm 2024. Ngoài ra, sản lượng bàn giao xe máy điện tăng mạnh 473% YoY, đạt 406.498 xe.
- Trong 2T 2026**, VFS công bố tổng số xe ô tô bàn giao tại Việt Nam đạt 26.075 xe (+14% YoY). Tổng số xe bàn giao toàn cầu của VFS trong 2T 2026 hiện vẫn chưa được công bố.
- Ban lãnh đạo duy trì mục tiêu bàn giao toàn cầu năm 2026** đạt ít nhất 300.000 ô tô (tương đương khoảng +52% YoY) và mục tiêu bàn giao xe máy điện đạt ít nhất gấp 2,5 lần so với năm 2025 (tương đương khoảng 1 triệu xe). Kế hoạch này lần lượt cao hơn 22% và 76% so với các dự báo mới nhất của chúng tôi, có thể chủ yếu do kế hoạch bàn giao tại các thị trường quốc tế của công ty cao hơn kỳ vọng.
- Theo ban lãnh đạo, các sản phẩm chủ lực trong năm 2026 hỗ trợ cả tăng trưởng doanh thu và hiệu quả chi phí bao gồm 4 mẫu xe, là VF 6 và VF 7 (các phiên bản thế hệ mới; SOP dự kiến trong nửa cuối năm 2026), cùng với Limo Green và VF MPV 7.
- Ban lãnh đạo chưa đưa ra kế hoạch về thời điểm công ty có thể đạt điểm hòa vốn lợi nhuận. Ban lãnh đạo tiếp tục khẳng định rằng việc gia tăng sản lượng và tối ưu hóa chi phí nguyên vật liệu (BOM) sẽ là động lực chính giúp cải thiện lợi nhuận trong trung hạn.

Kế hoạch mở rộng công suất sản xuất

- Trong năm 2026, VinFast có kế hoạch mở rộng công suất tại các nhà máy trong nước ở Hải Phòng và Hà Tĩnh, đồng thời đang đánh giá khả năng triển khai các giai đoạn mở rộng tiếp theo tại các nhà máy ở Ấn Độ và Indonesia; hiện chưa có thêm thông tin chi tiết được công bố.
- Cập nhật về kế hoạch nhà máy tại Mỹ: VinFast kỳ vọng sẽ tái khởi động việc xây dựng nhà máy tại North Carolina trong năm 2026, với kế hoạch đưa vào hoạt động vào năm 2028 (không thay đổi so với kế hoạch gần nhất). Vào tháng 07/2023, VinFast đã tổ chức lễ khởi công giai đoạn 1 của nhà máy này (tổng vốn đầu tư lên tới 2 tỷ USD, công suất hàng năm đạt 150.000 chiếc).

Hỗ trợ tài chính từ Chủ tịch VIC và VIC

- Theo CBTT tháng 11/2024 về thỏa thuận tài trợ vốn mới – bao gồm khoản tài trợ lên tới 50 nghìn tỷ đồng từ Chủ tịch VIC và khoản vay 35 nghìn tỷ đồng từ VIC cho VFS đến hết năm 2026 – tính đến cuối năm 2025, Chủ tịch Vingroup đã tài trợ 28 nghìn tỷ đồng (đi ngang QoQ) cho VFS, trong khi dư nợ vay của VinFast từ VIC theo cam kết này là 10,4 nghìn tỷ đồng (-10% QoQ). Vào cuối năm 2025, phần hỗ trợ vốn còn lại khả dụng (theo thỏa thuận công bố vào tháng 11/2024) bao gồm tối đa 22 nghìn tỷ đồng từ khoản tài trợ của Chủ tịch Vingroup và tối đa 24,6 nghìn tỷ đồng hạn mức tín dụng từ VIC.
- Vào tháng 08/2025, VFS công bố kế hoạch tách một số tài sản R&D đã hoàn thành sang công ty mới là Novatech và chuyển nhượng phần vốn góp tại Novatech cho Chủ tịch VIC với giá trị 39,8 nghìn tỷ đồng. Vào cuối năm 2025, toàn bộ khoản thanh toán cho VinFast đã được hoàn tất.

Kết quả tài chính cả năm 2025 (theo chuẩn mực kế toán US GAAP)

- **Trong quý 4/2025**, doanh thu của VFS tăng 118% QoQ và 139% YoY, đạt 39,4 nghìn tỷ đồng. Công ty ghi nhận lỗ ròng 35,1 nghìn tỷ đồng (so với mức lỗ 24,0 nghìn tỷ đồng trong quý 3/2025 và lỗ 30,6 nghìn tỷ đồng trong quý 4/2024).
- Biên lợi nhuận gộp trong quý 4/2025 là -40%, cải thiện so với mức -56% trong quý 3/2025 và -79% trong quý 4/2024.
- Theo chia sẻ từ ban lãnh đạo, biên lợi nhuận gộp điều chỉnh (loại trừ tác động chủ yếu từ chương trình sạc miễn phí, việc hoãn ghi nhận doanh thu và điều chỉnh RNV) trong quý 4/2025 là -28%, so với -20% trong quý 3/2025 và -26% trong quý 4/2024.
- **Trong cả năm 2025**, doanh thu của VFS đạt 90,4 nghìn tỷ đồng (+105% YoY) và lỗ ròng 97,0 nghìn tỷ đồng (so với mức lỗ 77,3 nghìn tỷ đồng trong năm 2024).
- Tính đến cuối năm 2025, tổng các khoản vay ngắn hạn và dài hạn cho bên thứ ba của VFS là 82,2 nghìn tỷ đồng (+33% YoY). Tổng khoản phải trả cho các bên liên quan (bao gồm các khoản phải trả và khoản vay; số tiền chi tiết từ các khoản đi vay không được công bố) đạt 66,6 nghìn tỷ đồng (-37% YoY) vào cuối năm 2025.
- Vào cuối năm 2025, tiền và các khoản tương đương tiền của VFS đạt 7,4 nghìn tỷ đồng, so với 3,3 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2024.
- Trong năm 2025, dòng tiền chi cho hoạt động và vốn XDCB tăng 44% YoY, đạt 67,7 nghìn tỷ đồng, chủ yếu do sản lượng bàn giao cao hơn và vốn đầu tư XDCB cho các nhà máy mới. Ban lãnh đạo dự kiến tổng chi phí vốn đầu tư XDCB và R&D trong năm 2026 sẽ ở mức khoảng 1,6 tỷ USD, tập trung vào mở rộng quy mô sản xuất tại các nhà máy trong nước và nước ngoài, cũng như phát triển các mẫu xe thế hệ mới.

Hình 1: Kết quả bán giao xe của VFS

	2022	Q1 2023	Q2 2023	Q3 2023	Q4 2023	Q1 2024	Q2 2024	Q3 2024	Q4 2024	Q1 2025	Q2 2025	Q3 2025	Q4 2025	2024	2025
Xe máy & xe đạp điện	60.000	9.500	10.700	28.000	22.100	7.800	13.100	18.900	31.200	44.900	69.600	120.100	172.000	80,000	406,500
Ô tô	EV 7.400	1.600	9.500	10.300	12.000	9.200	13.200	21.900	53.100	36.300	35.800	38.200	86.600	97,400	196,900
	ICE 16.700	VFS đã chuyển đổi hoàn toàn sang sản xuất 100% EV vào tháng 7/2022.													
% bán giao cho các bên liên quan của VinFast (chủ yếu là GSM)															
Xe máy & xe đạp điện						36%	33%	5%	10%	3%	13%	<1%	<1%	N/A	2.5%
Ô tô EV				67%	82%	57%	51%	22%	19%	21%	22%	26%	33%	28%	27%

Nguồn: VinFast, Tổng hợp và ước tính của Vietcap (số liệu làm tròn đến hàng trăm)

Hình 2: Tổng quan báo cáo kết quả kinh doanh

Tỷ đồng	Q1 2024	Q2 2024	Q3 2024	Q4 2024	Q1 2025	Q2 2025	Q3 2025	Q4 2025	2024	2025	YoY
Doanh thu thuần	6.526	8.670	12.327	16.496	16.306	16.609	18.100	39.412	44.019	90.428	105%
Lợi nhuận gộp	-3.829	-5.436	-2.958	-13.054	-5.736	-6.825	-10.168	-15.732	-25.278	-38.461	N.M.
Chi phí HĐKD	-6.200	-7.960	-5.163	-10.798	-6.324	-6.295	-7.219	-13.310	-30.122	-33.149	10%
- Chi phí R&D	-2.593	-2.663	-2.092	-2.678	-2.016	-2.335	-2.679	-2.869	-10.025	-9.899	-1%
- Chi phí SG&A	-3.057	-3.837	-3.461	-6.533	-3.751	-2.127	-1.837	-1.469	-16.888	-7.006	-12%
- Khác	-550	-1.461	389	-1.587	-557	-560	-208	-629	-3.208	-1.955	-39%
Lợi nhuận từ HĐKD	-10.029	-13.396	-8.121	-23.852	-12.060	-13.120	-17.387	-29.042	-55.399	-71.610	N.M.
Thu nhập tài chính	28	200	75	51	26	56	60	165	355	306	-14%
Chi phí tài chính (Lỗ)/lãi ròng từ các công cụ tài chính theo giá trị hợp lý	-4.165	-4.515	-4.992	-5.437	-5.054	-5.581	-5.995	-5.684	-19.108	-22.315	17%
LNTT	-610	-952	-251	-1.370	-647	-1.299	-503	-700	-3.183	-3.149	N.M.
LNST sau lợi ích CĐTS	-14.777	-18.694	-13.279	-30.635	-17.699	-20.108	-23.838	-35.229	-77.385	-96.873	N.M.
Biên lợi nhuận gộp	-14.721	-18.741	-13.227	-30.576	-17.672	-20.316	-23.953	-35.101	-77.265	-97.042	N.M.
Biên lợi nhuận gộp	-59%	-63%	-24%	-79%	-35%	-41%	-56%	-40%	-57%	-43%	
Chi phí R&D/doanh thu	40%	31%	17%	16%	12%	14%	15%	7%	23%	11%	
Chi phí SG&A/doanh thu	47%	44%	28%	40%	23%	20%	24%	25%	38%	24%	
Biên lợi nhuận từ HĐKD	-154%	-155%	-66%	-145%	-74%	-79%	-96%	-74%	-126%	-79%	
Biên LNST sau lợi ích CĐTS	-226%	-216%	-107%	-185%	-108%	-122%	-132%	-89%	-176%	-107%	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất trước kiểm toán (US GAAP) của VFS, Vietcap tổng hợp

Hình 3: Tổng quan báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Tỷ đồng	Q1 2024	Q2 2024	Q3 2024	Q4 2024	Q1 2025	Q2 2025	Q3 2025	Q4 2025	2024	2025
Dòng tiền ròng cho hoạt động kinh doanh	(12.426)	(7.863)	(11.192)	1.013	(15.086)	(11.600)	(11.186)	(6.695)	(30.468)	(44.566)
Dòng tiền ròng cho hoạt động đầu tư	(4.290)	(6.545)	1.339	(6.530)	(4.818)	(7.650)	(6.777)	(7.785)	(16.026)	(27.031)
Dòng tiền ròng cho hoạt động tài chính	15.512	14.514	9.257	9.715	18.009	31.638	12.735	15.398	48.999	77.781
Tăng (giảm) ròng về tiền, các khoản tương đương	(1.204)	106	(595)	4.198	(1.895)	12.387	(5.227)	918	2.504	6.184
Tiền đầu năm, các khoản tương đương tiền và tiền mặt bị hạn chế sử dụng	4.859	3.721	3.682	3.297	7.288	5.143	17.514	12.037	4.859	7.288
Chênh lệch tỷ giá ròng	67	(145)	211	(208)	(251)	(16)	(249)	404	(75)	(112)
Tiền cuối năm, các khoản tương đương tiền và tiền mặt bị hạn chế sử dụng	3.721	3.682	3.297	7.288	5.143	17.514	12.037	13.360	7.288	13.360
Tiền cuối năm, các khoản tương đương tiền	2.959	2.382	1.892	3.307	2.399	13.773	8.800	7.352	3.307	7.352

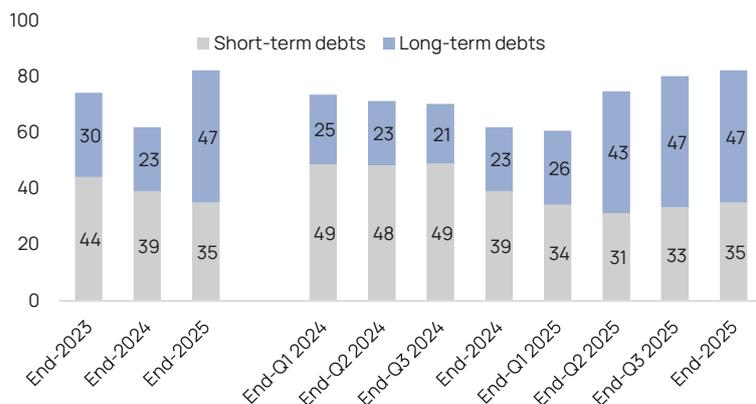
Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất trước kiểm toán (US GAAP) của VFS, Vietcap tổng hợp

Hình 4: Tổng quan bảng cân đối kế toán

Tỷ đồng	Cuối 2024	Cuối Q1 2025	Cuối Q2 2025	Cuối Q3 2025	Cuối năm 2025
TÀI SẢN					
Tiền mặt & các khoản tương đương tiền	3.307	2.399	13.773	8.800	7.352
Các khoản phải thu	5.605	3.024	2.914	2.760	4.670
Tồn kho, ròng	27.907	32.874	34.977	37.666	34.134
Tài sản ngắn hạn khác	27.963	29.617	34.384	38.583	37.849
Tổng tài sản ngắn hạn	64.782	67.912	86.048	87.810	84.005
Tài sản cố định, ròng	78.700	77.931	81.515	81.772	79.686
Tài sản vô hình, ròng	1.165	1.076	1.029	1.058	1.207
Lợi thế thương mại	5.130	4.826	4.039	3.481	2.953
Tài sản cho thuê vận hành	6.190	6.500	8.833	9.064	13.897
Tài sản dài hạn khác	91.185	90.332	95.416	95.374	97.744
Tổng tài sản dài hạn	155.966	158.244	181.464	183.184	181.748
NỢ					
Nợ vay ngắn hạn và nợ vay dài hạn đến hạn trả từ các bên cho vay thứ ba	39.124	34.295	31.248	33.337	35.085
Nợ ngắn hạn phải sinh	21.620	22.198	23.500	24.038	24.427
Các khoản phải trả	20.791	19.928	22.043	28.300	32.383
Nợ thuê vận hành ngắn hạn	1.498	1.488	1.323	1.213	1.244
Khoản phải trả các bên liên quan	64.251	76.892	81.895	60.373	34.227
Nợ ngắn hạn khác	24.224	23.381	24.433	27.024	36.818
Tổng nợ ngắn hạn	171.509	178.181	184.442	174.285	164.183
Nợ vay dài hạn từ các bên cho vay thứ ba	22.863	26.424	43.441	46.845	47.080
Nợ tài chính dài hạn	36	29	24	18	13
Nợ cho thuê vận hành dài hạn	4.077	3.747	3.183	2.684	2.051
Khoản phải trả các bên liên quan	42.096	35.818	32.586	38.946	32.328
Nợ dài hạn khác	10.291	11.920	18.020	19.688	26.152
Tổng nợ dài hạn	79.362	77.937	97.253	108.181	107.624
Tổng nợ	250.871	256.118	281.696	282.466	271.807
THÂM HỤT					
Cổ phiếu phổ thông	9.867	9.867	9.867	9.867	9.867
Lỗi lũy kế và lỗi khác	-268.253	-286.176	-306.508	-330.710	-365.407
Thặng dư vốn cổ phần	93.674	98.650	116.649	169.927	183.946
Lợi ích không kiểm soát	69.807	79.785	79.759	51.633	81.535
Tổng thâm hụt	-94.905	-97.873	-100.232	-99.282	-90.059
Tổng thâm hụt và nợ	155.966	158.244	181.464	183.184	181.748

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất trước kiểm toán (US GAAP) của VFS, Vietcap tổng hợp

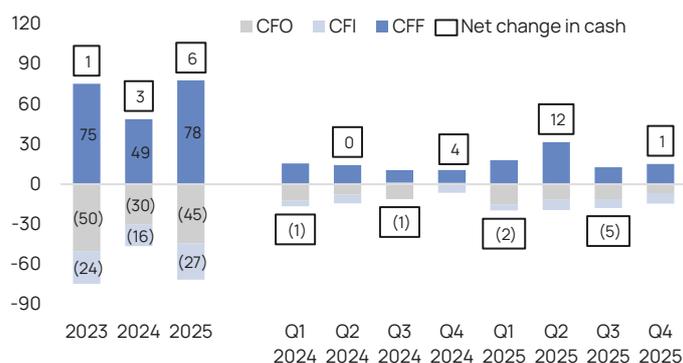
Hình 5: Tổng quan nợ vay^(^) (nghìn tỷ đồng)



Note: (^) Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn; chưa bao gồm các khoản vay từ các bên liên quan. Các khoản phải trả cho các bên liên quan (bao gồm khoản phải trả và khoản vay) là 66,6 nghìn tỷ đồng (-37% YoY) vào cuối năm 2025.

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ trước kiểm toán (US GAAP) của VFS, Vietcap tổng hợp

Hình 6: Tổng quan lưu chuyển tiền tệ (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất trước kiểm toán (US GAAP) của VFS, Vietcap tổng hợp

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chúng tôi, Thân Như Đoàn Thực & Lưu Bích Hồng, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vinh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.